

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :275

Sang : Cháo tôm tồì rau ngọt
Sữa grow
Trữa : Côm cá ba sa sọt chanh dây ôì
chuông hánh tay. Canh cáì bô xoi hên thòì
heo nác
Môn luoc: ñâu báp
Trạng miêng: bom gion
Xe: Sôa grow
Xe chieu:Bun rieu cua thòì cá chua trỏng giá
ñâu hu huyết ngo gài

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36984				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Đơn giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
*CHỒ				
1	Ram (muoi)	2,000	1,060	21,200
2	Tom bien	2,300	34,970	804,310
3	Cua hong	1,000	19,800	198,000
4	Hên	1,000	18,380	183,800
5	Cá ba sa	8,500	13,550	1,151,750
6	Nộm mắm Cá (loại 1)	2,000	5,940	118,800
7	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
8	Nộm cá	3,000	3,880	116,400
9	Xì dầu	1,000	990	9,900
10	Gạo tẻ may	18,000	2,630	473,400
11	Hạnh lã	1,200	5,360	64,320
12	Hạnh củ tồì	1,000	5,780	57,800
13	Giá ñâu xanh	1,000	2,520	25,200
14	Cá chua	3,000	5,670	170,100
15	Rau mùi tậu (ngo gài)	100	6,410	6,410
16	Hạnh tay	500	3,570	17,850
17	Rau ngọt	1,500	5,150	77,250
18	Cáì bô xoi	6,500	8,510	553,150
19	Ôì vàng tồ	1,000	10,400	104,000
20	Ñâu báp	3,500	6,720	235,200
21	Ñâu hu chiên	3,000	3,300	99,000
22	Bun	17,000	1,710	290,700
23	Thòì lôn nác	7,000	18,060	1,264,200
24	Tiệt luoc	1,500	4,180	62,700
25	Táo tay	19,000	7,770	1,476,300
26	Chanh dây*	2,500	4,520	113,000
27	Trồng vòì	2,500	5,400	135,000
Cong				8,018,140
*XUẤT KHO				
28	Sôa bôt Abbot Grow	10,500	20,500	2,152,500
Cong				2,152,500
Tổng tiền thức phẩm				10,170,640 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nôm chi trong ngày				10175000(đ)
Số ñô ñâu ngày				0(đ)
Số ñô cuối ngày				4360(đ)
Xuất ăn luy kê tồ ñâu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tồ ñâu tháng				
Tiền chi luy kê tồ ñâu tháng				